

Bản án số: 432/2019/LĐ-PT

Ngày: 16/5/2019.

V/v Tranh chấp do đơn phương
chấm dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Liên Minh.

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Phùng Thị Lan là Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 49/LĐPT, ngày 21 tháng 9 năm 2018 về: “Tranh chấp do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án Lao động sơ thẩm số 34/2018/LĐ-ST, ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo của nguyên đơn ông Lý Duy T và kháng cáo của bị đơn Công ty K.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1759/2019/QĐ-PT, ngày 26 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lý Duy T. Sinh năm 1983.

Địa chỉ: 163/26/27 Đường H, phường N, Quận K, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy Q của nguyên đơn:

Ông Nguyễn Quyết Q. Sinh năm 1990.

Địa chỉ: 33/6 Đường T, phường C, Thành phố L, Tỉnh L.

Địa chỉ liên hệ: 163/26/27 Đường H, phường N, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty K.

Địa chỉ: Lầu 3, Tòa nhà A, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hg L. Sinh năm 1973.

Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy Q: Bà Lê Thị Tuyết T1. Sinh năm 1978.

Địa chỉ: Lầu 3, Tòa nhà A, phường H, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Trần Đình D là Luật sư của Trung tâm V Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H. Sinh năm 1985.

Địa chỉ: 434/36/36A Đường C, phường I, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lý Duy T có người đại diện theo ủy Q là ông Nguyễn Quyết Q trình bày:

Ông Lý Duy T là Kỹ sư tin học phần mềm có ký hợp đồng lao động từ tháng 5/2011 với Công ty K (Sau đây gọi tắt là Công ty).

Từ ngày 01/01/2013, hai bên đã ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Tuy nhiên, mỗi năm các bên đều ký lại hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

Hợp đồng trước khi nghỉ việc là ngày 01/01/2016, với mức lương là 25.500.000 đồng/tháng.

Ngày 20/7/2016, Công ty ban hành Quyết định số 01/2016/QĐTV cho ông T nghỉ việc từ ngày 20/7/2016.

Tại các buổi làm việc, ông Lý Duy T yêu cầu:

1. Công ty K phải ra quyết định thu hồi quyết định số 01/2016/QĐTV, ngày 20/7/2016.

2. Công ty phải nhận ông Lý Duy T trở lại làm việc.

3. Công ty phải trả tiền lương trong những ngày ông T không được làm việc, tính từ ngày 20/7/2016 đến ngày nhận trở lại làm việc theo mức lương 25.500.000 đồng/tháng, tạm tính đến 20/5/2017 là 255.000.000 đồng.

4. Công ty phải trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày ông T không được làm việc, tạm tính đến 20/5/2017 là 53.550.000 đồng.

5. Công ty phải bồi thường cho ông T 02 tháng tiền lương, tương đương số tiền là 51.000.000 đồng.

6. Công ty phải bồi thường cho ông T khoản tiền do vi phạm 45 ngày không báo trước, tương đương số tiền là 38.250.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, buộc Công ty đóng các khoản bảo hiểm xã hội cho ông T từ ngày 20/7/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 127.627.500 đồng, tiền lương những ngày không được làm việc tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 612.000.000 đồng. Các yêu cầu khác ông T giữ nguyên.

Theo lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty K có người đại diện theo ủy Q là Bà Lê Thị Tuyết T1 trình bày:

Công ty xác nhận ông Lý Duy T làm việc cho Công ty từ năm 2011 như ông T trình bày.

Trong quá trình làm việc, ông T thường xuyên sử dụng thời gian làm việc để tạo nhóm nói xấu đồng nghiệp, lôi kéo kích động các nhân viên khác, tìm hiểu mức lương của người khác, sử dụng từ ngữ thiếu văn hóa. Nên Công ty có mời ông T họp vào ngày 20/7/2016 nhưng ông T không đến. Sau đó Công ty không liên lạc được với ông T vì ông T không còn ở địa chỉ cũ.

Đại diện bị đơn xác định Công ty không ban hành quyết định số 01/2016/QĐTV, ngày 20/7/2016 như ông T trình bày.

Khi Công ty nhận được giấy triệu tập của tòa án thì Công ty mới biết địa chỉ mới của ông T và đã gửi thông báo yêu cầu ông T làm việc lại nhưng đến nay ông T vẫn không đi làm việc.

Theo các yêu cầu của ông T, Công ty chỉ đồng ý nhận ông T làm việc trở lại, còn các yêu cầu khác của ông T Công ty không chấp nhận.

Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp của bị đơn Công ty K có ý kiến:

Ông Lý Duy T là nhân viên Công ty nhưng lập nhóm nói xấu Công ty, tìm hiểu mức lương nhân viên khác, gây chia rẽ trong nội bộ Công ty nên Công ty có ban hành quyết định cho thôi việc. Tuy nhiên, quyết định này chưa giao cho ông T do ông T không đến Công ty làm việc sau ngày 20/7/2016. Sau khi nhận thấy thủ tục cho thôi việc còn những sai sót nên Công ty đã ban hành quyết định thu hồi quyết định cho thôi việc nói trên.

Tháng 8/2016, ông T cần làm thủ tục về bảo hiểm xã hội nên đã đến Công ty xin nhận sổ bảo hiểm và quyết định nghỉ việc. Như vậy, ông T là người tự ý nghỉ việc tại Công ty, điều này còn chứng tỏ ở việc Công ty đã trả lương tháng 7, tháng 8 và nửa tháng 9/2016 cho ông T qua tài khoản Ngân hàng của ông T. Công ty mời ông T trở lại làm việc từ ngày 01/11/2017 nhưng ông T không chấp nhận lời mời. Từ những lập luận trên, Công ty không đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông T.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 34/2018/LĐ-ST, ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 15, 16, 17, 22, 23, 25, 38, 39 và 41, Khoản 1 và 5 Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 12, Điều 13 của Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 và Khoản 3 Điều 2, Khoản 2 Điều 3, các điều 85 và 86 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ vào Điều 57 Luật Việc làm năm 2013;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty K nhận ông Lý Duy T trở lại làm việc theo văn bản đề ngày 02/10/2017 của Công ty.

1.2. Buộc Công ty K phải trả tiền lương trong những ngày ông Lý Duy T không được làm việc, bồi thường 02 tháng tiền lương, bồi thường khoản tiền do vi phạm thời hạn báo trước tổng cộng: 344.250.000 đ + 51.000.000 đ + 38.250.000 đ = 433.500.000 đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Lý Duy T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng Công ty K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Buộc Công ty K và ông Lý Duy T phải thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông T từ tháng 8 năm 2016 đến ngày 01 tháng 11 năm 2017 theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế, cụ thể:

1.3.1. Đối với bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp:

- Công ty K phải đóng 67.830.000 đ (Sáu mươi bảy triệu tám trăm ba mươi ngàn đồng).

- Ông Lý Duy T phải đóng 32.130.000 đ (Ba mươi hai triệu một trăm ba mươi ngàn đồng).

1.3.2. Đối với bảo hiểm y tế:

- Công ty K phải đóng 10.710.000 đ (Mười triệu bảy trăm mười ngàn đồng);

- Ông Lý Duy T phải đóng 5.355.000 đ (Năm triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

1.3.3. Công ty K có trách nhiệm đóng tiền lãi phạt cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội đối với trường hợp của ông Lý Duy T theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế kể từ thời điểm chậm nộp cho đến khi nộp xong số tiền nói trên cho ông T.

2. Bác một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc:

2.1. Buộc Công ty K phải trả tiền lương và đóng bảo hiểm xã hội cho ông Lý Duy T từ ngày 01/11/2017 đến ngày Công ty nhận ông Lý Duy T trở lại làm việc.

2.2. Buộc Công ty K phải ra quyết định thu hồi quyết định số 01/2016/QĐTV, ngày 20/7/2016.

Ghi nhận việc Công ty K đã ra quyết định số 01B/2016/QĐTV, ngày 26/7/2016 thu hồi quyết định số 01/2016/QĐTV, ngày 20/7/2016 nên Công ty không phải ra quyết định khác thay thế quyết định số 01B nói trên.

3. Về án phí lao động sơ thẩm:

3.1. Ông Lý Duy T được miễn nộp toàn bộ án phí.

3.2. Công ty K phải chịu án phí tổng cộng là 14.540.800 đ (Mười bốn triệu năm trăm bốn mươi ngàn tám trăm đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên biện pháp chế tài đối với người không tự nguyện thi hành án và Q kháng cáo cho các bên đương sự.

Trong thời hạn luật định ngày 20/8/2018 Công ty K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung án sơ thẩm xử không khách quan, không đúng pháp luật đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại nhằm bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Xem xét lại việc nghỉ việc của ông T vì Công ty chưa giao quyết định xin nghỉ việc cho ông T.

Ngày 27/8/2018 ông Lý Duy T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung: Bản án sơ thẩm đã dựa vào đề nghị ngày 02/10/2017 (được Công ty giao cho ông ngày 01/11/2017 để cho rằng Công ty đã tự nguyện nhận ông trở lại làm việc nên không tuyên buộc Công ty nhận trở lại làm việc là không đúng với quy định của pháp luật. Nay ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông gồm:

- Buộc Công ty nhận ông trở lại làm việc theo hợp đồng lao động số 02/2016/TWVN HĐLĐ đã ký ngày 01/01/2016.

- Yêu cầu Công ty phải trả tiền lương trong những ngày ông không được làm việc tại Công ty, tính từ ngày 20/7/2016 đến ngày nhận ông trở lại làm việc với mức lương 25.500.000 đồng/tháng. Tạm tính đến ngày 20/7/2018 (24 tháng), tương đương với số tiền là $24 \times 25.500.000 \text{ đồng} = 612.000.000 \text{ đồng}$.

- Bồi thường 02 tháng tiền lương là 51.000.000 đồng.

- Tiền vi phạm thời hạn báo trước 45 ngày là $25.500.000 \text{ đồng} \times 1,5 = 38.250.000 \text{ đồng}$

- Tổng số tiền bồi thường là 701.250.000 đồng.

- Yêu cầu Công ty phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày ông không được làm việc tính từ ngày 20/7/2016 đến thời điểm nhận ông trở lại làm việc tạm tính đến ngày 20/7/2018 trong đó mức đóng đến ngày 31/12/2017 là 21%/1 tháng, và từ tháng 01/2018 đến tháng 7/2018 là 20,5%, tương ứng với số tiền đóng là: $(21\% \times 25.500.000 \text{ đ}) \times 17 + (20,5\% \times 25.500.000 \text{ đ}) \times 7 = 127.627.500 \text{ đồng}$.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy Q của ông T thừa nhận đến ngày 30/8/2016 ông T mới đến Công ty nhận quyết định cho thôi việc (Quyết định số 01/2016/QĐTV, ngày 20/7/2016).

Từ ngày 20/7/2016 ông T không đến Công ty làm việc vì ông cho rằng người quản lý trực tiếp của ông là ông S đã thông báo cho ông đừng đến Công ty làm việc nữa và ông còn nhận được thông báo qua email. Nhưng sau đó ông cho rằng không có email mà chỉ có điện thoại miệng.

Đại diện ủy Q của Công ty cho rằng ông T đã tự ý nghỉ việc sau ngày 19/7/2018 (ngày này ông T làm đơn xin nghỉ 01 ngày). Ông T đã không đến Công ty làm việc mà ông tự ý nghỉ việc, không có chứng cứ nào cho thấy ông có đến Công ty làm việc hoặc ông có đến làm việc nhưng Công ty không cho ông vào

làm việc, hoặc chứng cứ nào thể hiện người của Công ty đã thông báo cho ông T nghỉ việc ngày 20/7/2018, chỉ đến ngày 30/8/2016 khi ông T cần làm thủ tục bảo hiểm xã hội, ông T mới đến ký và nhận quyết định cho thôi việc. Và Công ty đã chốt sổ BHXH cho ông T hết tháng 7/2016.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của ông Lý Duy T.

Không chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty về việc không bồi thường các khoản cho ông T theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty về sửa bản án sơ thẩm, về phần tuyên Công ty đóng tiền lãi phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xét đơn kháng cáo của ông Lý Duy T và Công ty K đều nằm trong thời hạn luật định và Công ty K đã nộp đủ tiền tạm ứng kháng cáo theo luật định nên chấp nhận kháng cáo hợp lệ và được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng lao động đã được các bên ký kết ngày 01/01/2016, giữa nguyên đơn Lý Duy T và bị đơn là Công ty K loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Hợp đồng lao động này được ký kết trên cơ sở tự nguyện, đúng thẩm Q, nội dung không vi phạm các điều cấm của pháp luật, phù hợp với các Điều 15, 16, 17, 22, 23 và 25 của Bộ luật lao động năm 2012 nên phát sinh hiệu lực kể từ ngày 01/01/2016. Và đây là một văn bản pháp lý ràng buộc Q và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ hợp đồng lao động.

Tại các bản khai, đại diện bị đơn cho rằng Công ty không ban hành Quyết định số 01/2016/QĐTV, ngày 20/7/2016 nhưng các tài liệu do bị đơn cung cấp cho Tòa án ngày 14/11/2017 có quyết định nói trên. Đồng thời tại văn bản đề xuất số 01/2016/VB, ngày 25/7/2016 có thể hiện nội dung: “*Giám đốc Công ty ra quyết định thu hồi quyết định số 01/2016/QĐTV, ngày 20/7/2016*” và Công ty đã có Quyết định số 01B/2016/QĐTV, ngày 26/7/2016 thu hồi Quyết định số 01/2016/QĐTV, ngày 20/7/2016. Từ những nhận định trên, xác định Công ty có ban hành Quyết định số 01/2016/QĐTV, ngày 20/7/2016 cho ông T nghỉ việc và thực tế Công ty đã trao quyết định này cho ông T ngày 30/8/2016. Sau ngày Công ty đã ban hành quyết định thu hồi ngày 26/7/2016 để thu hồi quyết định nói trên.

Ông T thì cho rằng Công ty đã cho ông nghỉ việc từ ngày 20/7/2016 nhưng không có chứng cứ gì chứng minh rằng ông T có đến Công ty làm việc nhưng

Công ty không cho ông làm việc, mặt khác ông cho rằng ông S người trực tiếp phụ trách thông báo cho ông nghỉ việc, nhưng tại phiên tòa ông không có tài liệu, chứng cứ pháp lý nào chứng minh rằng ông S đã không cho ông vào làm việc, hơn nữa ông S không phải là người có Q cho ông nghỉ việc, ông không đến cơ quan làm việc là ông đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Chỉ đến khi ông cần sổ bảo hiểm xã hội, Công ty đã ban hành quyết định cho thôi việc (từ ngày 20/7/2016) ông mới nhận quyết định và chốt sổ bảo hiểm xã hội, khi có quyết định cho thôi việc ông mới quay lại kiện Công ty và cho rằng Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật.

Như vậy sau ngày 19/7/2016 (ngày ông T có đơn xin nghỉ phép) ông T đã không đến Công ty làm việc, và thực tế ông không đến làm việc, ông lấy lý do ông không đến là do ông S thông báo cho ông nghỉ việc là không có cơ sở, vì ông S không phải là người có thẩm Q cho ông nghỉ việc, hơn nữa không có một tài liệu, chứng cứ nào chứng minh rằng ông có đến nhưng Công ty không cho ông vào làm việc. Chỉ đến ngày 30/8/2016 ông mới đến Công ty để nhận sổ bảo hiểm xã hội và trực tiếp ký nhận sổ bảo hiểm xã hội từ Công ty và lúc này mới nhận được quyết định nghỉ việc ghi ngày 20/7/2016. Như vậy, ông T là người đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, việc Công ty ra quyết định thôi việc chỉ là biện pháp đề hợp pháp hóa việc nghỉ việc của ông. Và Công ty ra quyết định nghỉ việc không ảnh hưởng gì đến bản chất của việc ông đã tự ý nghỉ việc (tự ý đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động).

Đáng lẽ Công ty phải ra quyết định sa thải sau khi ra hình thức kỷ luật, nhưng Công ty đã không làm việc này mà ra quyết định thôi việc là một hình thức thể hiện tính nhân đạo của người sử dụng lao động. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty cho thôi việc trái pháp luật là không có cơ sở vì vậy cần phải sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T có như vậy mới đảm bảo Q và lợi ích hợp pháp chính đáng cho các bên đương sự.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ các Điều 308, 309, 313 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 32, điểm c Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 15, 16, 17, 22, 23, 25, 37 và 43 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 12, Điều 13 của Luật Bảo hiểm y tế năm 2008 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 và Khoản 3 Điều 2, Khoản 2 Điều 3, các Điều 85 và 86 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ vào Điều 57 Luật Việc làm năm 2013;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

Tuyên xử: Sửa án sơ thẩm.

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty K.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lý Duy T.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Duy T, gồm:

- Không chấp nhận việc Công ty K nhận ông Lý Duy T trở lại làm việc theo văn bản đề ngày 02/10/2017 của Công ty.

- Không chấp nhận việc buộc Công ty K phải trả tiền lương trong những ngày ông Lý Duy T không được làm việc, bồi thường 02 tháng tiền lương, bồi thường khoản tiền do vi phạm thời hạn báo trước tổng cộng: 344.250.000 đ + 51.000.000 đ + 38.250.000 đ = 433.500.000 đ (Bốn trăm ba mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Công ty K và ông Lý Duy T phải thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho ông T từ tháng 8 năm 2016 đến ngày 19/7/2016 theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế.

3. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

4. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Lý Duy T được miễn nộp toàn bộ án phí.

Công ty K không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao (1);
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM (1);
- Viện kiểm sát NDTp.HCM (2);
- Cục THA Dân sự Tp.HCM (1);
- Tòa án nhân dân Quận M (2);
- Chi cục THADân sự Quận M (2);
- Các đương sự (4);
- Lưu.(22b)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Xuân